

NGHIÊN CỨU ĐIỀN DÃ MỘT CÁCH NẮM BẮT TÍNH CÁCH CON NGƯỜI

ITOTETSUJI*
Sương Mai dịch

Hiểu người qua điền dã

Những nhà nghiên cứu tâm lý học, xã hội học và văn hóa dân gian đi điền dã với nhiều mục đích khác nhau nhưng đều có chung một điểm là ai cũng “muốn biết những người bản địa là những người như thế nào”. Nội dung tìm ra trong việc lý giải vấn đề “người như thế nào” theo một nghĩa nào đó hơi thô thiển chính là “nhân cách” và như vậy có thể nói rằng, mọi nghiên cứu điền dã đều bao gồm một chút khía cạnh nghiên cứu nhân cách. Tuy nhiên, mối quan tâm của điền dã không phải là nhân cách xác định của một cá nhân cụ thể mà đúng hơn là nhân cách trong ý nghĩa “những con người ở nơi thực hiện điền dã nói chung là những con người như thế nào”, tức có thể gọi là *nhân cách mang tính mô hình* (modal personality). Nhân cách nắm bắt qua nghiên cứu điền dã chính là nhân cách được phân loại như vậy.

Trong nghiên cứu điền dã còn có phương pháp *quan sát tham dự* được định nghĩa là “phương pháp mà bản thân người điều tra (người quan sát) trực tiếp tham gia vào cuộc sống tập thể của đối tượng điều tra (quan sát) vừa đóng vai thành viên tập thể ấy vừa quan sát trên nhiều góc cạnh trong một thời gian dài những hiện tượng nảy sinh ở đó”¹. Hoặc được coi là “cách tiếp cận đặt bản thân mình vào hiện trường xảy ra hiện tượng để thu thập những tư liệu sống mà chính mình đã trải nghiệm, nhằm nắm bắt hiện tượng một cách sinh thái học với tính thỏa đáng cao”². Như vậy quan sát tham dự là cách tiếp cận toàn diện bằng cảm giác của chính mình, nhấn mạnh tính quan hệ (với đối tượng và giữa các đối tượng), với đặc tính không đơn thuần chỉ là một phương pháp mà là đa phương pháp phối hợp nhiều phương pháp mang tính khả năng khác nữa.

Thực ra phương pháp *quan sát tham dự* này không phải gì khác chính là việc mà bất cứ ai cũng đang tiến hành (một cách vô thức hay có ý thức) trong cuộc sống hằng ngày của mình. Tuy nhiên chỉ có các nhà nghiên cứu (như tâm lý học) mới có kỹ thuật và quan điểm phương pháp luận khả thi trong việc thực hiện quan sát tham dự có ý thức, có kết quả. Hơn nữa họ còn nắm trong tay ethnomethodology, một thuật ngữ chuyên môn

* Giáo sư bộ môn Tâm lý, Đại học Ibaraki, Nhật Bản. Thời học sinh tác giả có đi du lịch Việt Nam, từ đó yêu thích Việt Nam và đã có dịp sống với gia đình (một vợ và con nhỏ lên hai) ở Hà Nội trong 10 tháng. Trong thời gian này tác giả đã tranh thủ thực hiện một cuộc quan sát tham dự (participant observation) nhằm thực hiện một mục đích luôn nung nấu trong đầu đó là “hiểu về những con người đang sống ở Hà Nội là những con người như thế nào”.

¹ *Phương pháp nghiên cứu tâm lý học quyển 10: phương pháp quan sát tham dự*, Đại học Tokyo xuất bản, 1974.

² Minami, *Lý luận và kỹ năng của phương pháp tham dự và Ethnomethodology*, 1997.

của nhà xã hội học Garfilkei. H dùng để chỉ cách tiếp cận làm rõ sinh thái của ethnomethod (phương pháp của văn hóa) là cái mang chức năng ám thị trong xã hội, văn hóa. Ethnomethod là “những thủ tục ám thị đan xen trong hiện thực, rõ ràng đối với các thành viên xã hội, là nguyên lý cấu thành văn hóa, biến đổi cái tự nhiên thành vật đối tượng trong cuộc sống của con người”³, nói khác đi là luật lệ mà con người tuân theo một cách ám thị. Để làm rõ ethnomethod người ta có thể dùng phương pháp *thực nghiệm trong bối cảnh khác nhau* (thực nghiệm dị bối cảnh) bằng cách đưa vào một trật tự khác với những cái vốn được coi là đương nhiên rồi quan sát kết quả, hoặc phương pháp phân tích chi tiết những cuộc đối thoại diễn ra trong từng văn cảnh (gọi là *phân tích đối thoại*).

Nếu nói về trường hợp thực nghiệm dị bối cảnh, tuy hơi có vấn đề về mặt đạo đức nhưng chương trình ti vi “dokkiri camera” có thể coi là ví dụ điển hình của trường hợp này. Từ những hành động được coi là kỳ quặc của những người lệch ra khỏi cái đương nhiên, chúng ta mới hiểu rằng chúng ta vẫn đang sống mà không hề nghi ngờ gì về cái được gọi là đương nhiên.

Tuy nhiên trong những hành động này (cùng tuân theo những thủ tục ám thị) vẫn có những mặt riêng của nó, ví dụ trong cùng một hoàn cảnh nhưng tùy từng người sẽ có những cách phản ứng khác nhau. Chẳng cứ là trường hợp thực nghiệm, nếu để ý đến những sai khác cá nhân biểu hiện qua những phản ứng như vậy thì trong nghiên cứu điền dã, chúng ta cũng sẽ nắm bắt được không chỉ nhân cách chung (nhân cách mô hình: modal personality) mà cả nhân cách cá nhân trong hoàn cảnh cụ thể.

Quan hệ người trên hệ phố Hà Nội

1. Ethnomethodology trên hệ phố và cửa hàng

Tôi sẽ giới thiệu một phần nghiên cứu của chính tôi ở Hà Nội như là một nghiên cứu tình huống. Văn hóa trên hệ phố Hà Nội đặc biệt phong phú. Đặc điểm ngôn ngữ tiếng Việt có 6 dấu nên tiếng rao bán hàng nghe như âm nhạc, lanh lảnh vang lên từ sáng sớm cùng với tiếng trẻ con nô đùa, và trước những cửa hàng nhỏ nhỏ sát hệ phố, những người hàng xóm tụ tập nhau lại mở cuộc hội họp “thông tấn vỉa hè” (nguyên văn “hội nghị bờ giếng”). Vỉa hè về cơ bản thuộc quyền sử dụng của những nhà sát mặt đường.

Nếu để ý kỹ một chút có thể thấy ở đây ẩn chứa rất nhiều ethnomethod. Ví dụ đối diện chệnh chênh với nhà tôi là một cửa hàng nhỏ của một gia đình 4 người. Không gian ở đây không đơn thuần chỉ là không gian diễn ra mua bán mà còn là không gian gia đình ăn cơm, nghỉ ngơi xem vô tuyến, là nơi học bài của cô con gái và là nơi tán chuyện gẫu với sự góp mặt của hàng xóm.

Trong cửa hàng nhỏ bé này rất ít khi khách lạ bước vào tận bên trong. Người ta chỉ đứng ở nơi cửa, hỏi han thương lượng rồi mua hàng. Dường như giữa họ đã có một quy định ngầm là không bước chân vào tận bên trong cửa hàng. Ngay cả những khách quen đến mức có thể vào ngồi trong cửa hàng cũng rất hiếm khi vào sâu tận bên trong chỗ của gia đình. Hơn nữa những người vào ngồi bên trong cửa hàng cũng được yêu cầu nói chuyện ở đó một cách vừa phải.

³ Minami, *Dân tộc-Môi trường-Sinh thái - nhằm đến khoa học phát triển của thế giới sinh hoạt*, Minerva Shobo xuất bản, 1993.

Có một người đã phá vỡ ethnomethod mà những người lớn vẫn duy trì này. Đó là đứa con gái mới lên 2 của tôi. Khi cả gia đình đang quay quần bên bàn ăn thì hiếm khi có ai vào tận bên trong của hàng nhưng đúng lúc ấy con gái tôi đã bước vào, được mọi người cho tham gia vào chiếc bàn tròn và có khi còn được ăn cơm cùng mọi người. Có thể nói đây là một hoàn cảnh thực nghiệm dị bối cảnh và về kẻ xâm lược nhỏ bé phá lệ có thể nói là một sự vận dụng một loại ethnomethod khác biệt.

Cứ như vậy, trên vỉa hè hay cửa hàng, không gian tư và công cứ phát huy chức năng một cách đan xen. Nhưng có một điều rất đáng quan tâm là mỗi khi đêm đến, từng ngôi nhà, từng cửa hàng không chỉ đóng cửa bình thường mà còn có thêm cửa sắt kéo khá kiên cố được khóa lại cẩn thận bằng khóa bấm. Sau khi cánh cửa sắt được đóng lại thì sự phân biệt không gian tư và công bỗng trở nên rõ ràng, rành mạch. Trại an ở Hà Nội không đến nỗi nào và chiếc cửa sắt kiên cố kia rõ ràng là hơi thừa nhưng đó chính là cách mà người Hà Nội có thể giữ gìn không gian sống của mình trong sự không tin tưởng vào người ngoài.

2. Phân tích đối thoại mua bán

Tại Hà Nội ngẫu nhiên tôi đã gặp những tình huống cho thấy mối quan hệ giữa những người thân quen rất được coi trọng. Nhất là quan hệ gia đình, người ta cúng bái tổ tiên rất chu đáo, trường hợp ông bà sống cùng con cháu cũng phổ biến. Hơn nữa người ta rất giữ gìn quan hệ với người khác dù không phải là quan hệ thân tộc, họ hàng mà chỉ là quan hệ thân quen. Trên ý nghĩa đó có thể nói Hà Nội là một xã hội phát huy mối quan hệ thân quen, dù xấu dù tốt, hơn gấp mấy lần Nhật Bản.

Ngay trong việc mua bán ở cửa hàng hay ngoài chợ điều quan trọng vẫn là tạo quan hệ thân quen. Nhất là ở chợ, hoàn toàn khác với các siêu thị Nhật Bản, các cửa hàng cùng kinh doanh một mặt hàng san sát mái nhau, vì thế đối với những người kinh doanh việc tăng thêm khách quen nhiều bao nhiêu ảnh hưởng đến mức thu nhập bấy nhiêu.

Nhân đây tôi muốn giới thiệu một cuộc thương lượng mua bán mà chính tôi là người thực hiện trong một ngày đi chợ mua thức ăn. Đây là cuộc đối thoại giữa tôi (A) và chị bán hàng chừng 40 tuổi (B) lần đầu tiên gặp mặt.

A: (Vừa chỉ vào khoai tây) - Cái này bao nhiêu 1 cân?

B: - Một cân hai nghìn rưỡi.

A: - Thế cho tôi nửa cân.

B: - It thế!

A: - Thì cả nhà có mỗi 3 người mà...

B: - Mua một cân đi.

A: - Không. Nửa cân thôi.

B: - Thế thì nửa cân một nghìn rưỡi nhé. Thế còn đây, mua cả cà rốt nhé?

A: - Cũng được, cho hai củ thôi. Hai củ là đủ. Bao nhiêu thế?

B: (Vừa nhìn cân) - Hai củ là..., thêm một củ nữa vào là vừa hai nghìn rưỡi.

A: - Thôi cũng được. Tất cả là bốn nghìn nhé?

B: - Khoai lang thế nào?

A: - Hôm nay không mua.

B: - Thế thì mai nhé. Ngày mai lại đến mua nhé.

A: - Được rồi, được rồi. Cám ơn chị.

B: - Mai nhé!

Chỉ cần đọc qua một lần chắc các bạn đã thấy cuộc thương lượng hoàn toàn được lái theo sự điều khiển của người bán. Tôi chỉ định mua một ít khoa tây. Khi được mời “mua một cân nhé” tôi đã từ chối được nhưng đáng lẽ nửa cân là một nghìn 250 đồng mà khi bị nói cao hơn: nửa cân một nghìn rưỡi tôi cũng đã chấp thuận mà không kèo nèo gì. Cuối cùng, người bán còn tươi cười nói “Mai nhé!” để gắng làm thân với tôi. “Mai” ở đây không hẳn là “ngày mai” mà ý nghĩa “lần sau lại đến mua nữa nhé” mạnh hơn.

Để thu được nhiều thông tin phong phú, những nhà nghiên cứu chuyên *phân tích đối thoại* còn để ý đến ngữ điệu, trọng âm hay những hành động phi ngôn ngữ diễn ra trong cuộc đối thoại, rồi chú ý đến bối cảnh để phân tích thật chi tiết. Ghi âm cuộc thoại cũng là một cách giúp cho việc phân tích được chi tiết.

Về phương pháp phân tích đối thoại, nhiều khi người ta còn dùng thuật ngữ *phân tích đàm thoại*, hay *phân tích protocol* để chỉ phương pháp phân tích chủ yếu rất phát triển trong khoa học nhận thức và tâm lý học nhận thức⁴. Những hình thức phân tích đối thoại, phân tích đàm thoại và phân tích protocol của ethnomethodology có bối cảnh lịch sử và lý luận khác nhau nhưng về cơ bản, kỹ năng phân tích rất giống nhau.

3. Cách xưng hô trong tiếng Việt và quan hệ người

Cách dùng đại từ nhân xưng của tiếng Việt là một trong những đầu mối quan trọng để tìm hiểu mối quan hệ lẫn nhau của người Việt Nam. Khác với tiếng Anh trong mọi trường hợp cứ “I” và “you” là xong, đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất và thứ hai trong tiếng Việt là khái niệm mang tính quan hệ, biến hóa phức tạp, tùy tuổi tác, địa vị xã hội và mức độ thân sơ.

Trong tiếng Việt, từ dùng để chỉ ngôi thứ hai tùy theo tuổi tác có thể gọi theo thứ tự từ cao nhất trở xuống là “cụ” (để ra ông bà), “ông” (để ra bố, mẹ), “bà” (để ra bố, mẹ), “bác” (anh chị của bố, mẹ), “chú, cô” (em trai và em gái của bố, mẹ). Ngôi thứ nhất dùng để đáp lại với các từ này có thể chỉ cần dùng một từ “cháu”. Người nhiều tuổi hơn mình một chút có thể gọi là “anh” (anh trai), “chị” (chị gái) và xưng là “em” (em trai hoặc em gái). Đối với người ít tuổi hơn mình có thể gọi họ ở ngôi thứ hai là “em” (em trai, em gái) và xưng là “anh” (anh trai), “chị” (chị gái). Hơn nữa đối với trẻ con hay trẻ mới đẻ đều có thể gọi là “cháu” và xưng là “chú” (em trai bố, mẹ) hoặc “cô” (em gái bố, mẹ). Như vậy là trong tiếng Việt, đại từ nhân xưng ngôi thứ hai và thứ nhất dùng lẫn lộn thay thế nhau.

Nhưng mọi cách giải thích này đều chỉ trên nguyên tắc lý thuyết mà thôi. Khi nghe người Việt Nam trò chuyện trên thực tế tôi mới thấy rằng còn rất nhiều ngoại lệ. Ví dụ có những người mặc dù lớn tuổi hơn tôi rất nhiều nhưng không gọi tôi (một người mới 30 tuổi đáng tuổi cháu của họ) là “cháu” mà hầu như gọi tôi là “em” (em trai, em gái) hoặc “anh” (anh trai), “chú” (em bố hoặc mẹ). Đó là do sự biểu thị lòng tôn trọng nhất

⁴ Okada, *Manuel tâm lý học*, 1997.

định đối với người đối thoại. Có cả những trường hợp dù bản thân nhiều tuổi hơn một chút vẫn xưng “em” (em trai, em gái) để tỏ lòng khiêm nhường.

Nói như vậy chắc có người sẽ nghĩ rằng người Việt Nam có vẻ để ý nhiều đến quan hệ tuổi tác trên dưới nhưng thực ra trong thực tế, người Việt Nam thường nói chuyện với nhau rất thân mật, ít để ý đến tuổi tác, hoặc thậm chí còn có phần suông sã. Việc phân định danh từ nhân xưng lấy độ chênh lệch tuổi làm yếu tố quyết định hình như đã được nghi thức hóa (ritualization), chỉ cần giữ đúng luật thì sau đó ngay cả đối với người lớn tuổi hơn cũng không nhất thiết phải cần đến sự lễ phép đặc biệt. Cũng như cánh cửa sắt kiên cố và những cuộc thương lượng diễn ra ở chợ đã cho thấy, đối với người Hà Nội, việc phân biệt người thân hay không thân so với người Nhật thì đại khái hơn và không rõ ràng lắm. Đây chỉ là cách nắm bắt mang tính giả thuyết ban đầu của tôi.

Hiện trường điền dã ở đâu

Trong bài này tôi đã nêu ví dụ về địa điểm điền dã là Hà Nội song trên thực tế không cứ nhất thiết phải đi xa như thế để tìm hiện trường điền dã. Điền (field) trong điền dã (field work) đã được Yamada định nghĩa là “nơi mà các yếu tố phức hợp, đa nhánh có quan hệ với nhau một cách toàn diện và tổng hợp” nhưng đó không phải là một khái niệm được quy định bởi các điều kiện địa lý hay vật lý mà là khái niệm được quy định bởi nhận thức của nhà nghiên cứu nhằm nắm bắt nơi đó như thế nào. Vì vậy ngay cả những nơi rất gần gũi với mình cũng có thể có rất nhiều hiện trường của điền dã.

Ví dụ có người qua quan sát tham dự ở một tổ chức tư nhân huấn luyện trẻ thiếu năng mà họ là một tình nguyện viên đã phát hiện ra rằng những người hoạt động tình nguyện ở đó cũng có một quan điểm về tình nguyện giống nhau ở chỗ không coi đó là “hoạt động phục vụ” hay “hành vi không đòi tiền thù lao” như trước đây mà là hoạt động tình nguyện “cho mình”. Trong những hoạt động tình nguyện như vậy có nhiều người ban đầu chỉ nghĩ là sẽ được đền bù bằng sự trưởng thành của chính bản thân do tích lũy thêm được kinh nghiệm để trưởng thành nhưng dần dà niềm vui, tức là “sự đền bù tình cảm” có được từ quan hệ với bọn trẻ hay từ những người cùng hoạt động tình nguyện đã được họ nhấn mạnh hơn. Ngược lại, có những người vì không thu được đầy đủ “sự đền bù tình cảm” này (không cảm thấy vui vẻ và hứng thú) nên cuối cùng đã rút khỏi hoạt động tình nguyện. Tuy nhiên cũng có trường hợp nếu chỉ do quan niệm tình nguyện “vì bản thân mình” phát huy chức năng thông qua “sự đền bù tình cảm” thì không thể duy trì được hoạt động vốn đòi hỏi sự hy sinh nhất định và ủng hộ trẻ thiếu năng, khi đó cần khảo sát quan niệm khác về tình nguyện đã tiềm tàng hóa vào bên trong với nội dung “vì trẻ”.

Một đầu mối quan trọng trong nghiên cứu này chính là việc tìm hiểu xem những người tình nguyện là những người như thế nào, những người đó đã biến đổi ra sao thông qua hoạt động tình nguyện. Như vậy nghiên cứu hiện trường hay điền dã thường không thể hiện rõ chức năng nghiên cứu nhân cách nhưng trong những nghiên cứu hiện trường gần gũi với mình cũng có thể nhặt ra một mặt của nghiên cứu nhân cách.

Những vấn đề phát sinh từ điền dã

1. Tính khách quan

Nghiên cứu điền dã về cơ bản là nghiên cứu tình huống. Hơn nữa nếu người nghiên

cứu thực hiện quan sát tham dự thì không phải bao giờ cũng có kết quả như nhau. Tôi cũng gặp không ít những khó chịu trong hành vi của người Hà Nội song về cơ bản tôi thích người Hà Nội. Tuy nhiên tôi cũng biết có những lưu học sinh Nhật Bản sống ở Hà Nội hơn một năm trở về với một sự thất vọng không còn tin vào người Việt Nam. Cách nhìn người Việt Nam của cô ấy và tôi rất khác nhau, ở đây có sự khó khăn trong cách đọc thành quả của nghiên cứu hiện trường.

Trong nghiên cứu điền dã từ lâu người ta đã nhấn mạnh đến điều quan trọng là nắm được tính khách quan được gọi là tính chủ quan tương hỗ. Để làm được điều này quan trọng là đưa ra được một cách toàn diện những điều cơ sở về giả thiết, mô hình, lý luận. Mặt khác một điều quan trọng nữa là những người đọc công trình hay kết quả của điền dã (dân tộc chí) phải hiểu được cách nhìn của người nghiên cứu với tư cách là một thành viên của tập thể hiện trường (chứ không phải một nhà nghiên cứu) trong đó bao gồm cả sự liên quan đến hiện trường của người nghiên cứu. Trong ý tưởng dựa trên tính khách quan của khoa học tự nhiên, người ta chỉ nhận ra những phần chung giữa các nhà nghiên cứu khác nhau, còn trong ý tưởng của điền dã thì phải kết hợp xét mọi bộ phận ngay cả những phần không có chung giữa các nhà nghiên cứu. Điều này, như Yamada đã chỉ ra, về cơ bản giống như sự sai khác giữa kết quả định lượng với kết quả định tính. Không phải là sự phân tích vốn có của khoa học tự nhiên (chia sự vật ra để hiểu) mà là ý tưởng nhập lại, tổng hợp lại. Với yêu cầu này đòi hỏi nhà nghiên cứu phải ghi chép được một tập dày⁵ bao gồm cả những mối liên quan giữa bản thân với hiện trường. Sự thật của hiện trường mà chúng ta muốn nắm bắt và hiểu rõ không phải là một “vật” có thể nắm lấy đưa lên ngắm nghía mà là một “việc” hỗn hợp sẽ hiện ra dần dần trong mối quan hệ của rất nhiều hiện tượng.

2. Vấn đề ngôn ngữ

Tôi cũng muốn đề cập đến vấn đề ngôn ngữ mà người ở hiện trường sử dụng. Trong trường hợp của tôi ngôn ngữ đó là tiếng Việt (hay nói thật chính xác là tiếng Hà Nội mà những người Hà Nội sử dụng) và người nghiên cứu có thể sử dụng được ngôn ngữ đó hay không là một vấn đề quan trọng. Tất nhiên có thể sử dụng phiên dịch nhưng nếu bản thân nhà nghiên cứu nói được tiếng địa phương thì sẽ biết thêm được rất nhiều điều hay. Vấn đề này không chỉ là vấn đề ngoại ngữ mà còn là vấn đề nhất thiết nảy sinh ở những nơi có tiếng địa phương khá nặng, hoặc ngôn ngữ nghề nghiệp khá đặc trưng hay văn hóa phụ khác biệt. Thành quả của field work đòi hỏi trả lại cho hiện trường (field) không phải là những từ ngữ dạng hàn lâm mà là những từ ngữ của hiện trường.

Tôi sống ở Hà Nội đến tháng thứ 9 thì thấm thía một điều là giá như giỏi tiếng Việt hơn một chút nữa. Tôi đã biết được những thay đổi các mùa trong năm và các nghi lễ đi kèm, những nghi lễ trong suốt một năm. Để tiến hành một điền dã thực sự cần phải có một khoảng thời gian ít nhất là hai năm, đó là điều mà tôi muốn nói khi kết thúc bài viết này.

⁵ Geerts, *Giải thích học văn hóa*, 1973.